TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 11-10-2021
V/v Tranh chấp Ca tài sản sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phan Thị Nhã Quyên;
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Phước Tâm;
2. Bà Võ Thị Điệp;

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Thanh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Kiểm sát viên: Ông Nguyễn Văn Tèo – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh.

Vào ngày 07/10/2021 và ngày 11/10/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 531/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020 về việc *"Tranh chấp Ca tài sản sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 223/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 215/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Trung T, năm sinh 1980.
Địa chỉ: ấp 4, xã MH, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

- Người đại diện hợp pháp của anh Phạm Trung T là chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1996; Địa chỉ: ấp 4, xã TX, huyện TM, Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 10/3/2021).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Phạm Trung T là Luật sư Vỏ Thị Băng G – Văn phòng Luật sư Băng G thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp. Địa chỉ: 270, khóm Mỹ Tây, thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Chị Trương Thị C, sinh năm 1978.
Địa chỉ: tổ 21, ấp 3, xã ML, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

(Luật sư Băng G, chị L, chị C có mặt tại phiên tòa;
anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Trung T là chị Nguyễn Thị Thùy L trình bày:

Anh T và chị C đã ly hôn và theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 153/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18/6/2020 thì phần

tài sản anh T và chị C thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng sau khi ly hôn giữa anh T và chị C đã không thỏa thuận được việc Ca tài sản chung nên anh T đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết Ca tài sản chung.

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2020 anh T yêu cầu Ca tài sản là 01 căn nhà cấp 4 ngang 4,5m x dài 20m, cột bê tông cốt thép, nền lát gạch men, mái tole, không đóng la phong cất năm 2013 với số tiền cất nhà là 150.000.000 đồng. Nhà cất trên thửa đất số 20, tờ bản đồ số 12, trong khu dân cư Hội đồng Tường, thuộc ấp 3, xã Mỹ Long, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, do hộ chị Trương Thị C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chị C cất giữ nên anh T không biết chính xác số thửa đất dẫn đến việc nhầm lẫn, sai sót số thửa đất trong đơn khởi kiện ngày 26/10/2020 của anh T, nên ngày 11/3/2021 anh T có nộp đơn xin thay đổi yêu cầu yêu cầu khởi kiện, cụ thể anh T yêu cầu Ca tài sản chung là 01 căn nhà cấp 4, có kết cấu bê tông cốt thép, nền lát gạch men, mái lợp tole sóng vuông, cửa kéo Đài Loan, không đóng la phong cất năm 2013 với số tiền cất nhà là 150.000.000 đồng. Nhà cất trên thửa đất số 89, diện tích 90m^2, tờ bản đồ số 12, trong khu dân cư Hội đồng Tường, thuộc ấp 3, xã Mỹ Long, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Anh T thống nhất giá trị nhà đất là 700.000.000 đồng, anh T yêu cầu nhận ½ giá trị nhà đất là 350.000.000 đồng, anh T đồng ý giao nhà đất cho C. Trường hợp nếu chị C yêu cầu nhận ½ giá trị nhà đất là 350.000.000 đồng thì anh T đồng ý nhận nhà đất và đồng ý thối lại cho chị C số tiền 350.000.000 đồng, ngoài các tài sản trên thì anh T và chị C không còn tài sản chung nào khác. Ngoài yêu cầu trên thì anh T không có yêu cầu nào khác.

Anh T đồng ý với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và sơ đồ đo đạc của C nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cao Lãnh. Hiện trạng nhà và diện tích đất tranh chấp không có gì thay đổi so với thời điểm xem xét thẩm định tại chỗ.

Đối với yêu cầu của chị C về số tiền tiết kiệm tổng cộng 290.000.000 đồng, gửi tại Quỹ tín dụng MH, chị C yêu cầu anh T Ca khoản tiền này làm hai phần, chị C yêu cầu được nhận 145.000.000 đồng thì anh T không đồng ý. Anh T trình bày số tiền anh T đi gửi tiết kiệm tại Quỹ tín dụng MH là 240.000.000 đồng, không phải là 290.000.000 đồng và được gửi 02 lần: lần 1 là 240.000.000 đồng và lần 2 là 50.000.000 đồng như chị C trình bày. Số tiền này anh T đem đi gửi và sau đó rút ra nhiều lần, cụ thể gửi ngày 23/10/2018 số tiền 240.000.000 đồng, rút ngày 07/01/2019 gửi lại số tiền 150.000.000 đồng, rút ngày 05/3/2019 gửi lại số tiền 210.000.000 đồng, rút ngày 05/4/2019, gửi lại số tiền 100.000.000 đồng, rút ngày 19/6/2019 gửi lại số tiền 50.000.000 đồng và rút số tiền cuối cùng 50.000.000 đồng vào ngày 15/7/2019. Anh T là người trực tiếp đem tiền đi gửi và khi anh T chị C có việc cần sử dụng thì anh T đã rút tiền rồi gửi lại, số tiền gửi có giảm dần, mục đích rút tiền là đem về sử dụng để C tiêu trong cuộc sống, làm ăn mua bán của anh T và chị C trong thời kỳ hôn nhân, để lo kinh tế chung trong gia đình. Mỗi khi anh T đi rút ra một khoản tiền, số tiền còn lại tiếp tục gửi tiết kiệm đều có nói cho chị C biết, chị C đều biết được việc C tiêu hàng ngày phục vụ nhu cầu cuộc sống gia đình có 04 người bao gồm anh T, chị C và 02 con chung của anh chị. T đến ngày 15/7/2019 anh T đã rút hết số tiền cuối cùng là 50.000.000 đồng, sau ngày 15/7/2019 thì không còn tiền gửi tại Quỹ

tín dụng MH. Thực tế đến khi anh T, chị C ly hôn vào tháng 6 năm 2020 thì số tiền này đã không còn tồn tại. Do đó anh T không đồng ý đối với yêu cầu của chị C.

Đối với nội dung chị C yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con tên Phạm Ngọc Bảo Thy, sinh ngày 07/10/2008 và Phạm Ngọc Bảo Nam sinh ngày 01/12/2014, chị C yêu cầu anh T cấp dưỡng 1 lần với mức cấp dưỡng mỗi con chung là 1.000.000 đồng, tổng cộng là 2.000.000 đồng/tháng T từ tháng 7/2020 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi thì anh T không đồng ý. Anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con chung hàng tháng với mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật, thời điểm cấp dưỡng T từ tháng 10 năm 2021 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn là chị Trương Thị C trình bày:

Chị C thống nhất việc chị và anh T đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 153/2020/QDST-HNGĐ ngày 18/6/2020. Khi ly hôn chị C và anh T tự nguyện thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi đó anh T đồng ý việc chị C với 02 con có nơi sinh sống ổn định tại căn nhà chung để chị C làm ăn cho các con học hành, cho nên chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Nay anh T yêu cầu Ca tài sản chung, chị C xác định chị với anh T có tài sản chung là 01 căn nhà cấp 4 ngang 4,5m x dài 20m, kết cấu bê tông cốt thép, nền lát gạch men, mái lợp tole sóng vuông, không đóng la phong cất năm 2013 với số tiền cất nhà là 150.000.000 đồng. Nhà cất trên thửa đất số 89, diện tích 90m^2, tờ bản đồ số 12, trong khu dân cư Hội đồng Tường, thuộc ấp 3, xã Mỹ Long, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, do hộ chị C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chị C hiện giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chị C thống nhất giá trị nhà đất là 700.000.000 đồng. Từ sau khi chị C và anh T ly hôn đến nay chị C quản lý, sử dụng nhà đất. Chị C đồng ý nhận nhà đất, chị C đồng ý thối lại cho anh T ½ giá trị nhà đất với số tiền là 350.000.000 đồng.

Ngoài ra chị C cho rằng trong thời gian chung sống, anh T chị C có số tiền gửi tiết kiệm tổng cộng 290.000.000 đồng, được gửi 02 lần: lần 1 là 240.000.000 đồng và lần 2 là 50.000.000 đồng gửi tại Quỹ tín dụng MH, anh T đã rút số tiền này và hiện nay anh T đang quản lý. Chị C yêu cầu anh T Ca 290.000.000 đồng ra làm 2 phần, chị C yêu cầu được nhận 145.000.000 đồng. Ngoài các tài sản trên thì chị C và anh T không còn tài sản chung nào khác.

Chị C đồng ý với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và sơ đồ đo đạc của C nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cao Lãnh. Hiện trạng nhà và diện tích đất tranh chấp không có gì thay đổi so với thời điểm xem xét thẩm định tại chỗ. Hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị C giữ bản chính và không có cầm cố thế chấp hay thực hiện bất kỳ giao dịch dân sự nào khác.

Ngày 08/12/2020, chị C có đơn yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên Phạm Ngọc Bảo Thy, sinh ngày 07/10/2008 và Phạm Ngọc Bảo Nam sinh ngày 01/12/2014. Chị C yêu cầu anh T cấp dưỡng 1 lần với mức cấp dưỡng mỗi con chung là 3.000.000 đồng, tổng cộng là 6.000.000 đồng/tháng T từ tháng 7/2020 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa chị C yêu cầu anh T cấp dưỡng 1 lần với mức cấp dưỡng mỗi con chung là 1.000.000 đồng, tổng cộng là 2.000.000

đồng/tháng T từ tháng 7/2020 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Ngoài các yêu cầu trên chị C không còn yêu cầu nào khác.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Phạm Trung T là Luật sư Vỏ Thị Băng G trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu Ca tài sản chung của anh Phạm Trung T, chấp nhận cho anh T được nhận ½ giá trị tài sản chung là nhà đất với số tiền là 350.000.000 đồng; không chấp nhận yêu cầu của chị C yêu cầu Ca số tiền 290.000.000 đồng, không chấp nhận yêu của chị C về việc yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai con chung tên Phạm Ngọc Bảo Thy, sinh ngày 07/10/2008 và Phạm Ngọc Bảo Nam sinh ngày 01/12/2014, cấp dưỡng một lần, mức cấp dưỡng mỗi con chung là 1.000.000 đồng, tổng cộng là 2.000.000 đồng/tháng T từ tháng 7/2020 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con chung hàng tháng với mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật, thời điểm cấp dưỡng T từ tháng 10 năm 2021 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm:*

- Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm:

+ Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 153/2020/QDST-HNGĐ ngày 18/6/2020 (bản photo).

+ Giấy CMND Phạm Trung T và Sổ hộ khẩu (bản photo).

+ Trích lục bản đồ địa chính và thông tin thửa đất (bản chính).

- Tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp gồm:

+ Giấy CNQSDĐ hộ bà Trương Thị C (bản photo)

- Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do Tòa án tiến hành thu thập gồm:

+ Công văn số 41/QTD ngày 25/5/2021 của Quỹ tín dụng nhân dân MH (bản chính) kèm theo giấy gửi tiền và giấy lĩnh tiền (bản photo).

+ Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 06/4/2021 và sơ đồ đo đạc (bản chính).

+ Biên bản định giá tài sản ngày 16/4/2021(bản chính).

Các bên đương sự thống nhất các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh phát biểu quan điểm như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về giải quyết nội dung vụ án:

+ Đối với yêu cầu của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với yêu cầu Ca tài sản chung là chung là 01 căn nhà cấp 4 ngang 4,5m x dài 20m, kết cầu bê tông cốt thép, nền lát gạch men, mái lợp tole sóng vuông, không đóng la phong cất năm 2013. Nhà cất trên thửa đất số 89, diện tích 90m^2, tờ bản đồ số 12, trong khu dân cư Hội đồng Tường, thuộc ấp 3, xã Mỹ Long, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, do hộ chị C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đề nghị giao nhà đất cho chị C, chị C có nghĩa vụ thối lại anh T ½ giá trị nhà đất với số tiền là 350.000.000 đồng.

+ Đối với yêu cầu của bị đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của chị C về việc yêu cầu Ca số gửi tiết kiệm tổng cộng 290.000.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu của chị C đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, buộc anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, thời điểm cấp dưỡng T từ tháng 10 năm 2021 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Anh Phạm Trung T có đơn yêu cầu Ca tài sản sau khi ly hôn với chị Trương Thị C. Chị Trương Thị C có đơn yêu cầu Ca tài sản sau khi ly hôn và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con với anh Phạm Trung T. Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là *"Tranh chấp Ca tài sản sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con"*.

[2] Về thẩm quyền: Chị Trương Thị C là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ ở tổ 21, ấp 3, xã Mỹ Long, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp và tài sản tranh chấp là nhà ở gắn liền trên đất thuộc thửa số 89, diện tích 90m^2, tờ bản đồ số 12, trong khu dân cư Hội đồng Tường, tọa lạc tại ấp 3, xã Mỹ Long, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

[3] Về việc thay đổi Thư ký phiên tòa: Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 223/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 215/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2021 thì Thư ký phiên tòa là ông Hồ Tấn Đạt nhưng do ông Hồ Tấn Đạt bận công tác đột xuất nên thay thế ông Lê Thanh Tú làm Thư ký phiên tòa. Kiểm sát viên, Luật sư, đương sự có mặt đồng ý về sự thay đổi này và không có yêu cầu thay đổi những người tiến hành tố tụng nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của anh T yêu cầu Ca tài sản chung gồm nhà và đất, cụ thể là 01 căn nhà cấp 4 ngang 4,5m x dài 20m, kết cấu bê tông cốt thép, nền lát gạch men, mái lợp tole sóng vuông, không đóng la phong cất năm 2013 và diện tích đất thuộc thửa số 89, diện tích 90m^2, tờ bản đồ số 12, trong khu dân cư Hội đồng Tường, thuộc ấp 3, xã Mỹ Long, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, do hộ chị C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh T thống nhất giá trị nhà đất là 700.000.000 đồng, anh T yêu cầu nhận ½ giá trị nhà đất là 350.000.000 đồng, anh T đồng ý giao nhà đất cho C. Trường hợp nếu chị C yêu cầu nhận ½ giá trị nhà đất là 350.000.000 đồng thì anh T đồng ý nhận nhà đất và đồng ý thối lại cho chị C số tiền 350.000.000 đồng. Chị C thống nhất chị C và anh T có tài sản chung là nhà và đất theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của anh T. Chị C thống nhất giá trị nhà đất là 700.000.000 đồng. Chị C đồng ý nhận nhà đất, chị C đồng ý thối lại cho anh T ½ giá trị nhà đất với số tiền là 350.000.000 đồng. Ngoài ra chị C cho rằng trong thời gian chung sống, anh T, chị C có gửi tiết kiệm số tiền tổng cộng 290.000.000 đồng. Chị C

yêu cầu Ca 290.000.000 đồng ra làm 2 phần, chị C yêu cầu được nhận 145.000.000 đồng. Tại phiên tòa chị C yêu cầu anh T cấp dưỡng 1 lần với mức cấp dưỡng mỗi con chung là 1.000.000 đồng, tổng cộng là 2.000.000 đồng/tháng T từ tháng 7/2020 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Ngoài các yêu cầu trên thì anh T, chị C không còn yêu cầu nào khác, Hội đồng xét xử nhận định:

[4] Đối với tài sản chung là nhà và đất thì anh T và chị C đều thống nhất thừa nhận anh chị có tài sản chung là 01 căn nhà cấp 4 ngang 4,5m x dài 20m, kết cấu bê tông cốt thép, nền lát gạch men, mái lợp tole sóng vuông, không đóng la phong cất năm 2013 và diện tích đất thuộc thửa số 89, diện tích 90m^2, tờ bản đồ số 12, đất và nhà trên đất tọa lạc ấp 3, xã Mỹ Long, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Chị C và anh T thống nhất giá trị nhà đất là 700.000.000 đồng. Từ sau khi chị C và anh T ly hôn đến nay chị C quản lý, sử dụng nhà đất. Chị C đồng ý nhận nhà đất, chị C đồng ý thối lại anh T ½ giá trị nhà đất với số tiền là 350.000.000 đồng. Xét thấy chị C có yêu cầu nhận nhà và đất nhằm đảm bảo cuộc sống sinh hoạt ổn định về chỗ ở, thuận tiện sinh hoạt và chăm lo cho con, chị C đồng ý thối cho anh T ½ giá trị nhà đất với số tiền là 350.000.000 đồng và anh T đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự nguyện của các đương sự và phù hợp theo quy định pháp luật nên chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu Ca tài sản của chị C là số tiền gửi tiết kiệm tổng cộng 290.000.000 đồng, được gửi 02 lần: lần 1 là 240.000.000 đồng và lần 2 là 50.000.000 đồng gửi tại Quỹ tín dụng MH. Chị C yêu cầu Ca khoản tiền này làm 2 phần, chị C yêu cầu được nhận 145.000.000 đồng. Chị C cho rằng trong thời gian chị C còn chung sống với anh T thì chị C chỉ cất giữ tiền chứ không được quyền tiêu xài tiền. Khi anh T có nhu cầu cần tiền kêu chị đưa thì chị lấy tiền đưa cho anh T, ngoài ra anh T sử dụng tiền vào việc gì thì chị C không có ý kiến, vì chị C không có tiếng nói, anh T là người nắm quyền trong nhà. Do chị C muốn gia đình có cuộc sống bình yên, vui vẻ nên anh T làm gì với số tiền chị C đều biết nhưng không có ý kiến, không can thiệp vào, chị C sợ khi nói ra sẽ bị anh T chửi mắng, xảy ra cự cãi. Chị C và anh T không có thời gian sống ly thân, anh chị vẫn chung sống, sinh hoạt chung nhà cho đến khi Tòa án giải quyết việc ly hôn.

Anh T cho rằng số tiền gửi tiết kiệm chỉ có 240.000.000 đồng chứ không phải 290.000.000 đồng như lời trình bày của chị C và trong thời kỳ hôn nhân anh T đã rút hết số tiền 240.000.000 đồng để sử dụng C tiêu trong cuộc sống, làm ăn mua bán của anh T và chị C, để lo kinh tế chung trong gia đình. Trước khi anh T, chị C ly hôn vào tháng 6 năm 2020 thì anh T đã rút hết số tiền cuối cùng là 50.000.000 đồng vào ngày 15/7/2019, nên đến thời điểm hiện nay số tiền trên đã không còn. Do đó anh T không đồng ý đối với yêu cầu của chị C về việc Ca số tiền trên. Cả anh T và chị C đều thừa nhận việc C tiêu trong gia đình hàng tháng không cố định và cũng không có ghi chép theo dõi vì giữa anh T và chị C đều có công việc làm có thu nhập, kiếm tiền về để phục vụ chung cho cuộc sống sinh hoạt hàng ngày và làm vốn mua bán, trả tiền lấy hàng.

Theo Công văn số 41/QTD ngày 25/5/2021 của Quỹ tín dụng nhân dân MH, thể hiện số tiền anh T đem đi gửi và rút ra nhiều lần, cụ thể như sau:

- Số tiền 240.000.000 đồng gửi ngày 23/10/2018, ngày rút 07/01/2019.
- Số tiền 150.000.000 đồng gửi ngày 07/01/2019, ngày rút 05/3/2019.
- Số tiền 210.000.000 đồng gửi ngày 05/3/2019, ngày rút 05/4/2019.

- Số tiền 100.000.000 đồng gửi ngày 05/4/2019, ngày rút 19/6/2019.

- Số tiền 50.000.000 đồng gửi ngày 19/6/2019, ngày rút 15/7/2019.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy số tiền đi gửi tiết kiệm tại Quỹ tín dụng MH là 240.000.000 đồng chứ không phải là 290.000.000 đồng theo như lời trình bày của chị Chị. Trong thời gian anh T và chị C còn là vợ chồng, đối với số tiền tiết kiệm gửi tại Quỹ tín dụng MH là 240.000.000 đồng, anh T là người trực tiếp đem tiền đi gửi và khi anh T chị C có việc cần sử dụng thì anh T đi rút tiền rồi gửi lại, số tiền gửi có giảm dần, T đến ngày 19/6/2019 số tiền còn lại là 50.000.000 đồng và anh T đã rút số tiền cuối cùng 50.000.000 đồng vào ngày 15/7/2019. Anh T rút tiền để sử dụng trong việc C tiêu trong cuộc sống, làm ăn mua bán của anh T và chị C trong thời kỳ hôn nhân, để lo kinh tế chung trong gia đình. Mỗi khi anh T đi rút ra một khoản tiền đều có nói cho chị C, chị C đều biết được việc C tiêu hàng ngày phục vụ nhu cầu cuộc sống gia đình và kinh tế của gia đình. T đến ngày 15/7/2019 anh T đã rút hết số tiền cuối cùng là 50.000.000 đồng, sau ngày 15/7/2019 thì không còn tiền gửi tại Quỹ tín dụng MH. Thực tế đến khi anh T, chị C ly hôn vào tháng 6 năm 2020 thì số tiền này đã không còn. Chị C cho rằng anh T tự ý rút tiền tiết kiệm mà không được sự đồng ý của chị C, anh T dùng tiền chung của vợ chồng nhưng chỉ phục vụ nhu cầu cá nhân của anh T, chị C cầm giữ tiền mà không được dùng số tiền này nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên yêu cầu Ca tài sản của chị C đối với số tiền 290.000.000 đồng là không có căn cứ để chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu chị C về việc chị C yêu cầu Ca tài sản là số tiền tiết kiệm 290.000.000 đồng.

[6] Xét yêu cầu của chị C yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên Phạm Ngọc Bảo Thy, sinh ngày 07/10/2008 và Phạm Ngọc Bảo Nam sinh ngày 01/12/2014, chị C yêu cầu anh T cấp dưỡng 1 lần với mức cấp dưỡng mỗi con chung là 1.000.000 đồng, tổng cộng là 2.000.000 đồng/tháng T từ tháng 7/2020 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị C yêu cầu anh T cấp dưỡng một lần để chị C có số tiền mà dùng để thối lại tiền nhà cho anh T. Anh T không đồng ý với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con một lần của chị C do anh T không có đủ điều kiện kinh tế. Anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con chung hàng tháng với mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật, thời điểm cấp dưỡng T từ tháng 10 năm 2021 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"* và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình quy định *"Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết."*

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị C phù hợp một phần nên chấp nhận, buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung hàng tháng, mỗi tháng bằng ½ tháng lương cơ sở tương ứng với thời gian thi hành án cho mỗi con chung, thời gian cấp dưỡng được T bắt đầu từ tháng

10/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp theo quy định tại Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Phạm Trung T là Luật sư Vỏ Thị Băng G đề nghị xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu Ca tài sản chung của anh Phạm Trung T, chấp nhận cho anh T được nhận ½ giá trị tài sản chung là nhà đất với số tiền 350.000.000 đồng; không chấp nhận yêu cầu của chị C yêu cầu Ca số tiền 290.000.000 đồng, không chấp nhận yêu của chị C về việc yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai con chung tên Phạm Ngọc Bảo Thy, sinh ngày 07/10/2008 và Phạm Ngọc Bảo Nam sinh ngày 01/12/2014, cấp dưỡng một lần, mức cấp dưỡng mỗi con chung là 1.000.000 đồng, tổng cộng là 2.000.000 đồng/tháng T từ tháng 7/2020 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mức cấp dưỡng và thời điểm cấp dưỡng theo quy định của pháp luật, nên Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Trung T và bác yêu cầu của chị Trương Thị C là phù hợp nên được chấp nhận.

[9] Về án phí và chí phí tố tụng khác:

- Về án phí: Anh Phạm Trung T và chị Trương Thị C phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

- Về C phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 3.771.000 đồng. Anh Phạm Trung T và chị Trương Thị C mỗi người phải chịu C phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.885.500 đồng (Một triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm đồng). Do anh T đã nộp và C xong nên chị C phải nộp số tiền 1.885.500 đồng để trả lại cho anh T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 54, khoản 1, khoản 2 Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 33, Điều 59, Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Trung T.

- Buộc chị Trương Thị C có nghĩa vụ giao lại cho anh Phạm Trung T ½ giá trị nhà đất với số tiền là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi nghìn đồng).

- Buộc anh Phạm Trung T giao lại cho chị Trương Thị C được quyền quản lý, sử dụng căn nhà cấp 4 ngang 4,5m x dài 20m, kết cấu bê tông cốt thép, nền lát gạch men, mái lợp tole sóng vuông, không đóng la phong, cửa kéo Đài Loan và diện tích đất thuộc thửa số 89, diện tích 90m^2, tờ bản đồ số 12, nhà và đất tọa lạc tại ấp 3, xã Mỹ Long, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đất cấp cho hộ chị Trương Thị C được

Ủy ban nhân dân huyện Cao Lãnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 643883, Số vào sổ H02443 cấp ngày 02/3/2009. Diện tích đất được xác định trong phạm vi các mốc sau:

+ Đường thẳng nối từ mốc 1 đến mốc 2 dài 4,5m.

+ Đường thẳng nối từ mốc 2 đến mốc 3 dài 20m.

+ Đường thẳng nối từ mốc 3 đến mốc 4 dài 4,5m.

+ Đường thẳng nối từ mốc 4 đến mốc 1 dài 20m.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/4/2021, sơ đồ đo đạc ngày 06/4/2021 của C nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cao Lãnh).

- Các đương sự được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký phần đất mình được sử dụng theo quy định của pháp luật. Trường hợp anh Phạm Trung T không thực hiện việc chuyển quyền sử dụng thì chị Trương Thị C có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nói trên theo quy định của pháp luật.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu Ca tài sản chung của chị Trương Thị C về việc chị C yêu cầu Ca số tiền 290.000.000 đồng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận một phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Trương Thị C. Buộc anh Phạm Trung T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên Phạm Ngọc Bảo Thy, sinh ngày 07/10/2008 và Phạm Ngọc Bảo Nam sinh ngày 01/12/2014, cấp dưỡng hàng tháng, số tiền cấp dưỡng mỗi tháng bằng ½ tháng lương cơ sở tương ứng với thời gian thi hành án cho mỗi con chung, thời gian cấp dưỡng được T bắt đầu từ tháng 10/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

4. Về án phí:

- Anh Phạm Trung T phải chịu án phí Ca tài sản chung tương ứng với phần giá trị tài sản mình được Ca 350.000.000 đồng là 17.500.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng) và phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 8.750.000 đồng tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004320 ngày 16/11/2020 của C cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Như vậy anh T còn phải nộp tiếp số tiền 9.050.000 đồng (Chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) tại C cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

- Chị Trương Thị C phải chịu án phí Ca tài sản chung tương ứng với phần giá trị tài sản mình được Ca 350.000.000 đồng là 17.500.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 3.625.000 đồng tạm ứng án phí chị C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012761 ngày 10/6/2021 của C cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Như vậy chị C còn phải nộp tiếp số tiền 13.875.000 đồng (Mười ba triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tại C cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

- Về C phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 3.771.000 đồng. Anh Phạm Trung T và chị Trương Thị C mỗi người phải chịu C phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.885.500 đồng. Do

anh T đã nộp và C xong nên chị C phải nộp số tiền 1.885.500 đồng (Một triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm đồng) để trả lại cho anh T.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo T từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Thị Nhã Quyên